TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 09-9-2020.
V/v "*Ly hôn giữa bà Linh với ông T*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Trung Giàu

2. Ông Trần Hữu Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Lâm Ngọc L** sinh năm: 2000;

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Ông Phạm Hoàng T**, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: khu phố B, phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Bà L có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt ngày 28/8/2020, nguyên đơn bà Lâm Ngọc L trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/12/2018 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng không hạnh phúc do tính tình đối lập, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 02/2019 ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc dẫn đến cãi nhau, vợ chồng không thể hàn gắn. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Phạm Lâm Tâm N sinh ngày 07/4/2019. Sau khi ly hôn bà xin nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông T nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà. Bà cam kết không khiếu nại về sau.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Phạm Hoàng T tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Phạm Hoàng T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Ngọc L đối với ông Phạm Hoàng T. Giao cháu Phạm Lâm Tâm N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Ngọc L khởi kiện bị đơn ông Phạm Hoàng T. Quan hệ tranh chấp giữa bà L và ông T là tranh chấp về ly hôn. Hiện nay, ông T đang cư trú tại phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Lâm Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Hoàng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Lâm Ngọc L và bị đơn ông Phạm Hoàng T

[2] Về nội dung: Bà L và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2018 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà L, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng không hạnh phúc do tính tình đối lập, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 02/2019 ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc dẫn đến cãi nhau, vợ chồng không thể hàn gắn. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay tình cảm của bà đối với ông T không còn nên

bà cương quyết xin ly hôn với ông T. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà L và ông T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà L. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L

[3] Về con chung: sau khi ly hôn bà L xin nuôi con chung là cháu Phạm Lâm Tâm N sinh ngày 07/4/2019 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Phạm Lâm Tâm N hiện nay dưới 36 tháng tuổi, cháu còn nhỏ, cần nhiều sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Lâm Tâm N cho bà Linh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà L phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Ngọc L và ông Phạm Hoàng T.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Phạm Lâm Tâm N sinh ngày 07/4/2019 cho bà Lâm Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Linh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0011971 ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND phường 6.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương